



qīng zhēn sì

清真寺

noun · mosque

Example Sentence

qīng zhēn sì shì mù sī lín lǐ bài de dì fāng

清真寺是穆斯林礼拜的地方。

The mosque is where Muslims worship

Trace each character, then write the word on your own.

清	清	清	清	清	清	清	清	清	清	清
清	清	清								
真	真	真	真	真	真	真	真	真	真	真
真	真									
寺	寺	寺	寺	寺	寺	寺	寺	寺		